

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG THÁNG 11 NĂM 2025

Tài khoản tiền gửi :

 1. Đơn vị sử dụng ngân sách : **TRƯỜNG THCS PHÚ AN**

 2. Mã đơn vị: **1108982.**

 3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : **5503201007236** - Tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bến Cát

I. Nội dung thanh toán: Lương và phụ cấp tháng 11/2025; Hỗ trợ ngày 20/11, Công tác phí...

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ	
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH BỔ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	HỖ TRỢ NGÀY 20/11	TIỀN CÔNG TÁC PHÍ (từ tháng 8 đến tháng 10/2025)	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN		TIỀN HỌC BỔNG
1	2	4	5	5.2	6	7	8			9		10	11	12
	Tổng số	1.079.049.919	923.999.220	-	59.384.324	-	-	44.000.000	26.768.000	24.898.375	-	-	-	
I	Đối với công chức, viên chức	1.011.365.595	923.999.220	-	-	-	-	38.500.000	26.768.000	22.098.375	-	-	-	
1	Nguyễn Anh Việt	18.641.746	18.141.746					500.000						
2	Nguyễn Thanh Hiền	23.013.627	21.447.627					500.000	130.000	936.000				
3	Huỳnh Thị Thanh Tâm	38.290.474	19.288.474					500.000	952.000	17.550.000				
4	Đoàn Thu Thủy	18.968.057	18.468.057					500.000						
5	Lê Kim Hương	15.742.975	15.242.975					500.000						
6	Đỗ Thị Hiền	18.631.293	18.131.293					500.000						
7	Thân Thị Minh Trang	17.868.494	17.368.494					500.000						
8	Huỳnh Thị Hồng Hoa	17.720.425	17.220.425					500.000						
9	Trịnh Thị Mỹ Linh	19.271.754	17.163.754					500.000	1.608.000					
10	Đỗ Thị Ngọc Thu	17.270.906	16.770.906					500.000						
11	Đặng Thị Ngọc Bảo	17.555.478	17.055.478					500.000						
12	Hồ Thị Bích Ngọc	18.968.057	18.468.057					500.000						
13	Vương Thị Ánh Nguyệt	18.294.530	17.794.530					500.000						
14	Nguyễn Thị Thanh Hiền	14.497.013	13.997.013					500.000						

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ	
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH BỘ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	HỖ TRỢ NGÀY 20/11	TIỀN CÔNG TÁC PHÍ (từ tháng 8 đến tháng 10/2025)	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN		TIỀN HỌC BỔNG
15	Võ Văn Thanh	17.720.425	17.220.425						500.000					
16	Nguyễn Thị Nga	17.447.203	16.947.203						500.000					
17	Hoàng Ngọc Hữu	16.231.532	15.731.532						500.000					
18	Đinh Thị Ngọc Quý	11.522.336	9.700.236						500.000		1.322.100			
19	Đặng Thị Hồng Nhung	14.181.117	13.681.117						500.000					
20	Huỳnh Ngọc Nữ	15.156.664	14.406.664						500.000	250.000				
21	Hồ Thị Hồng Vân	16.275.869	13.063.869						500.000	2.712.000				
22	Nguyễn Minh Lụa	13.839.869	13.063.869						500.000	276.000				
23	Nguyễn Thị Thúy	16.327.869	13.063.869						500.000	2.764.000				
24	Trần Thị Phương Oanh	12.941.780	12.441.780						500.000					
25	Trần Như Thúy	16.850.371	16.350.371						500.000					
26	Nguyễn Thị Hà	15.513.190	15.013.190						500.000					
27	Nguyễn Thị Thu Hồng	15.840.989	15.340.989						500.000					
28	Trịnh Thị Mỹ Dương	15.644.962	15.144.962						500.000					
29	Ngô Thị Hoài Ngân	12.681.124	11.353.124						500.000	828.000				
30	Lê Thị Thanh Trà	9.465.008	7.455.708						500.000		1.509.300			
31	Ngô Thị Ngọc Linh	12.681.124	11.353.124						500.000	828.000				
32	Nguyễn Thành Đông	15.792.949	15.046.949						500.000	246.000				
33	Phan Công Sơn	9.670.819	9.170.819						500.000					
34	Võ Thị Thu Trang	10.578.821	10.078.821						500.000					
35	Phan Thị Nguyên	12.606.692	12.106.692						500.000					
36	Phạm Đình Vương	15.496.693	12.560.693						500.000	2.436.000				
37	Lê Quang Nhân	15.100.009	13.772.009						500.000	828.000				
38	Nguyễn Thị Hồng Thúy	16.955.505	16.455.505						500.000					

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ	
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH BỘ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	HỖ TRỢ NGÀY 20/11	TIỀN CÔNG TÁC PHÍ (từ tháng 8 đến tháng 10/2025)	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN		TIỀN HỌC BỔNG
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	13.374.920	12.022.920						500.000	852.000				
40	Phan Thúy Hà	12.522.920	12.022.920						500.000					
41	Nguyễn Thanh Xuân	15.856.066	12.624.066						500.000	2.732.000				
42	Nguyễn Minh Quân	10.643.081	10.009.081						500.000	134.000				
43	Nguyễn Thị Thắm	500.000							500.000					
44	Nguyễn Hữu Ái	10.439.341	9.939.341						500.000					
45	Trần Thị Hồng Đào	9.454.361	8.954.361						500.000					
46	Lâm Thanh Trúc	10.439.341	9.939.341						500.000					
47	Đoàn Thị Sen	9.454.361	8.954.361						500.000					
48	Bùi Thị Thom	10.439.341	9.939.341						500.000					
49	Nguyễn Việt Chung	15.644.962	15.144.962						500.000					
50	Nguyễn Phạm Mỹ Hạnh	10.369.601	9.869.601						500.000					
51	Phạm Thị Quyên	9.391.532	8.891.532						500.000					
52	Bùi Trần Anh Thư	15.162.464	12.190.464						500.000	2.472.000				
53	Lê Thị Liên	13.635.761	13.135.761						500.000					
54	Đặng Thị Bích Trâm	10.180.703	8.828.703						500.000	852.000				
55	Nguyễn Hữu Nghĩa	10.369.601	9.869.601						500.000					
56	Đỗ Kim Anh	9.328.703	8.828.703						500.000					
57	Phan Nguyễn Ngọc Thêm	9.391.532	8.891.532						500.000					
58	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	12.774.236	12.274.236						500.000					
59	Bùi Huy Lộc	15.445.780	12.473.780						500.000	2.472.000				
60	Võ Thị Tố Như	8.830.121	7.466.121						500.000	864.000				
61	Võ Thị Phương Linh	9.328.703	8.828.703						500.000					
62	Hoàng Thị Hoài Thương	7.043.342	6.543.342						500.000					

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ	
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH BỘ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	HỖ TRỢ NGÀY 20/11	TIỀN CÔNG TÁC PHÍ (từ tháng 8 đến tháng 10/2025)	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN		TIỀN HỌC BỔNG
63	Nguyễn Thị Mỹ Hân	7.043.342	6.543.342						500.000					
64	Đàm Minh Thư	7.966.121	7.466.121						500.000					
65	Trần Thị Thủy Tiên	6.872.756	5.591.781						500.000	780.975				
66	Phạm Thị Bích Trâm	13.877.552	12.525.552						500.000	852.000				
67	Nguyễn Quang Hiền	18.743.548	18.243.548						500.000					
68	Phạm Minh Thành	8.794.121	7.466.121						500.000	828.000				
69	Phan Thanh Dũ	7.043.342	6.543.342						500.000					
70	Nguyễn Thị Ngân	7.745.342	7.245.342						500.000					
71	Trương Thị Thùy Dương	7.043.342	6.543.342						500.000					
72	Vương Nguyễn Hữu Toàn	7.043.342	6.543.342						500.000					
73	Lê Thị Hoàng Dung	7.043.342	6.543.342						500.000					
74	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	7.043.342	6.543.342						500.000					
75	Hoàng Nữ Cẩm Tú	7.043.342	6.543.342						500.000					
76	Nguyễn Duy Hoài Nam	7.895.342	6.543.342						500.000	852.000				
77	Võ Thị Nhâm	8.888.900	8.388.900						500.000					
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị Định 111/2022/NĐ-CP.	34.465.060	-			28.665.060	-	-	3.000.000	2.800.000	-			-
1	Trần Thị Hồng	5.893.860				4.893.860			500.000	500.000				
2	Nguyễn Văn Phước	5.761.160				4.661.160			500.000	600.000				
3	Trần Tuấn Khải	5.993.860				4.893.860			500.000	600.000				
4	Trần Ngọc Thanh	5.893.860				4.893.860			500.000	500.000				
5	Nguyễn Quốc Tuấn	5.539.200				4.439.200			500.000	600.000				
6	Phạm Thị Linh Đa	5.383.120				4.883.120			500.000					

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH BỘ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	HỖ TRỢ NGÀY 20/11	TIỀN CÔNG TÁC PHÍ (từ tháng 8 đến tháng 10/2025)	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN	
III	Đối với hợp đồng thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo nghị định 111/2022/NĐ-CP	33.219.264	-		30.719.264	-	-	2.500.000		-	-		-
1	Trần Thị Thu Hà	5.605.080			5.105.080			500.000					
2	Huỳnh Ngọc Phương Thy	5.605.080			5.105.080			500.000					
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	5.605.080			5.105.080			500.000					
4	Nguyễn Ngọc Phương Linh	11.154.080			10.654.080			500.000					
5	Nguyễn Thị Minh Tâm	5.249.944			4.749.944			500.000					

Bảng chữ:

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước.

Tăng : Hỗ trợ tiền ngày 20/11: 44,000,000đ; tăng 01 giáo viên hợp đồng: 5,327,040đ; truy lãnh tiền thạc sĩ: 17,550,000đ, truy lãnh HĐ GV tháng 10 : 5,327,040đ; Tiền công tác phí: 26,768,000đ; tăng 01 Nghị Quyết 22/2024/NQ-HĐND: 1,041,300đ

Giảm : Tiền tăng thu nhập quý III: 83,100,000đ , truy lãnh lương: 9,703,381đ, tiền khoản công tác phí: 5,850,000đ; Giảm 01 giáo viên hợp đồng: 5,105,080đ; tăng 01 Nghị Quyết 22/ 2024/NQ-HĐND: 982,800đ

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Ngọc Quý

Đinh Thị Ngọc Qu

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Anh Việt

Ngày..... tháng..... năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

